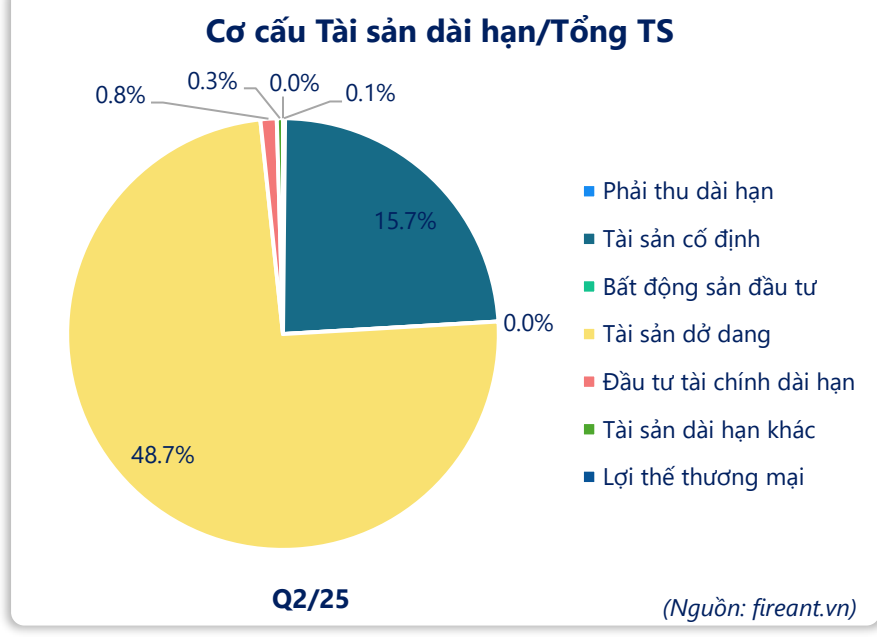
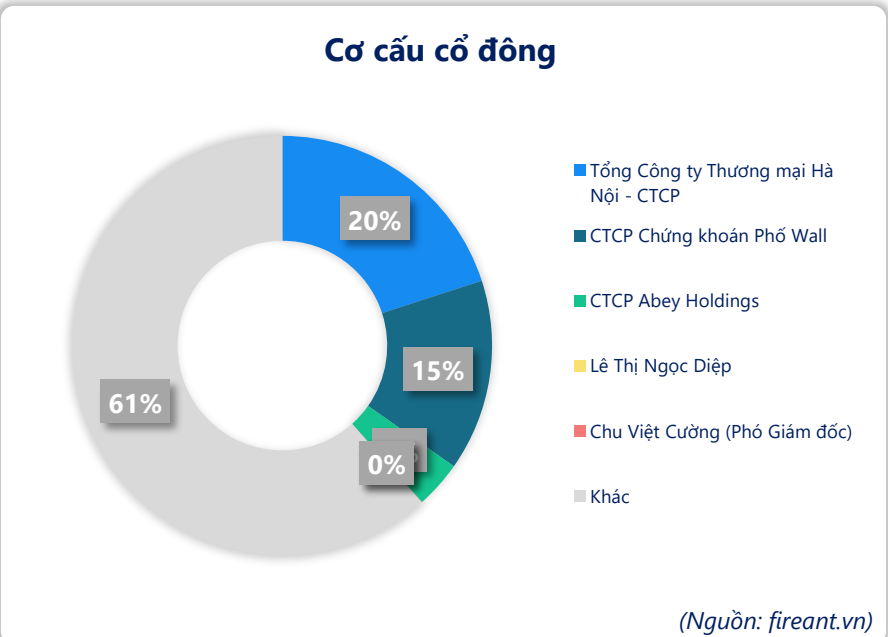
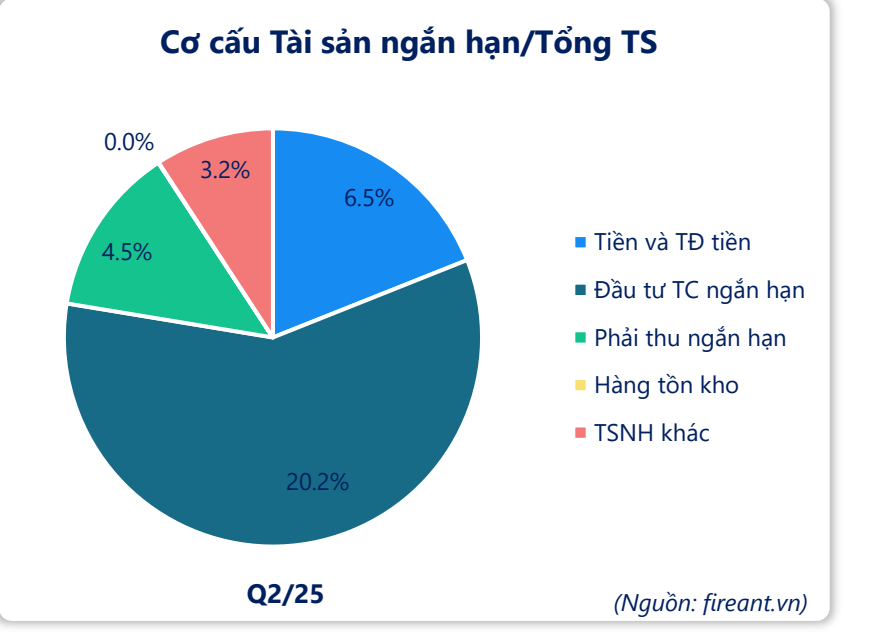
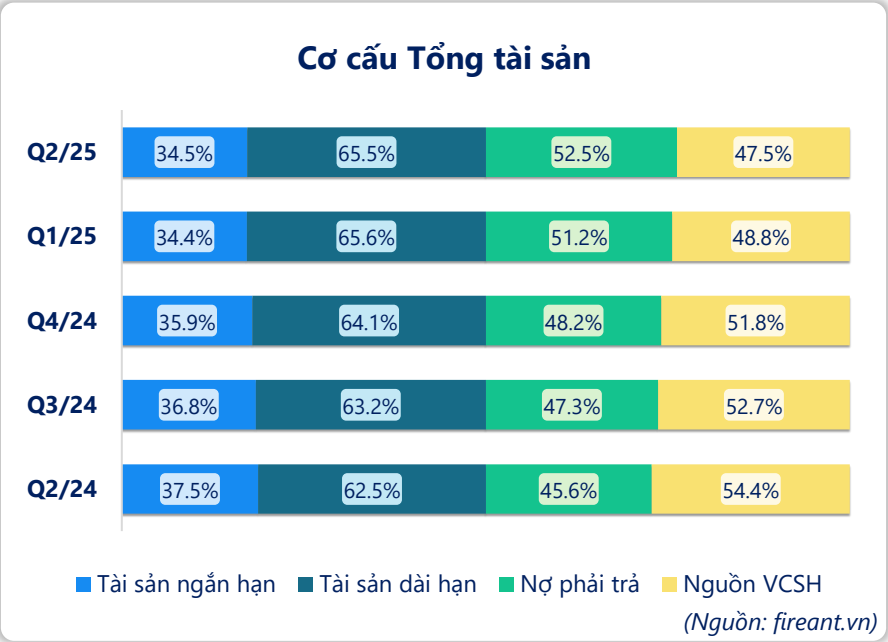
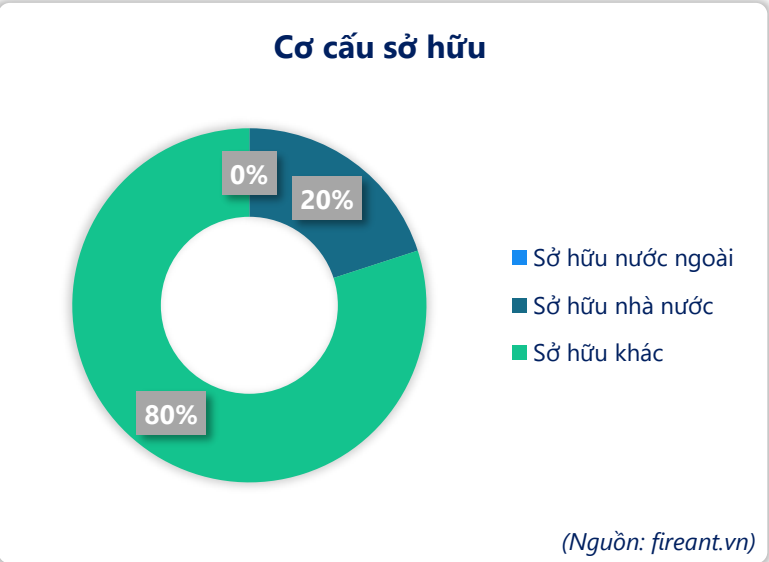
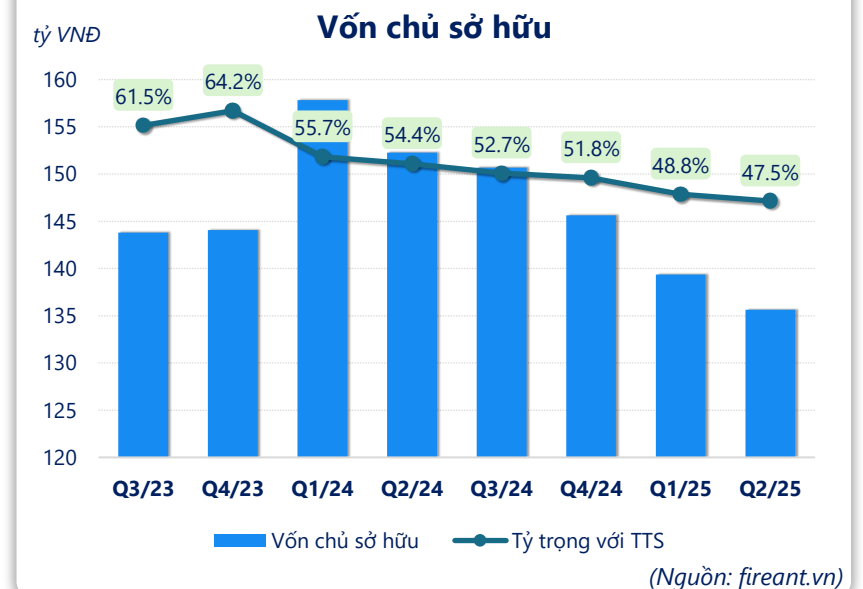
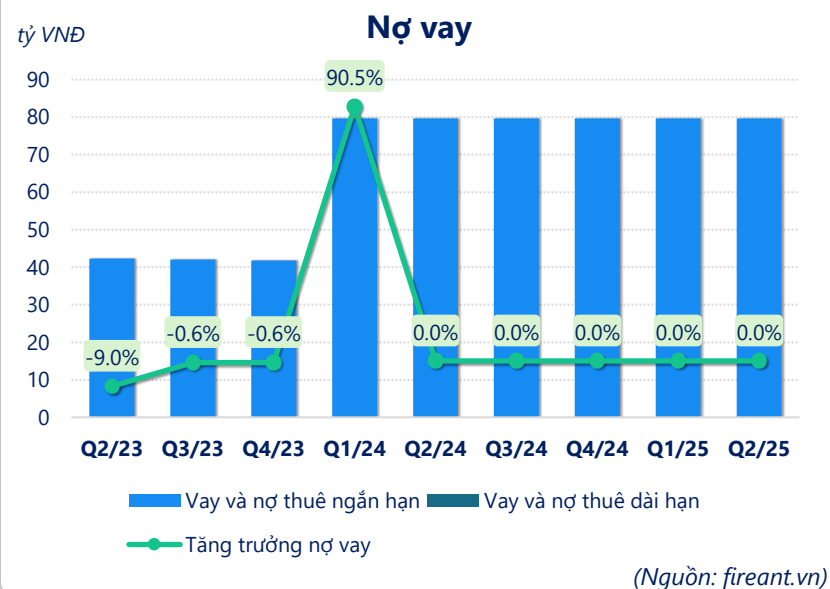
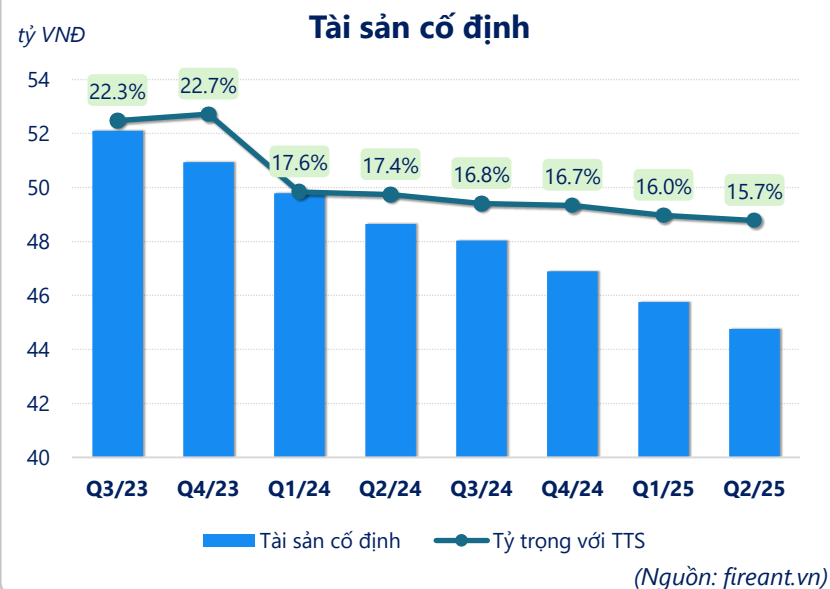
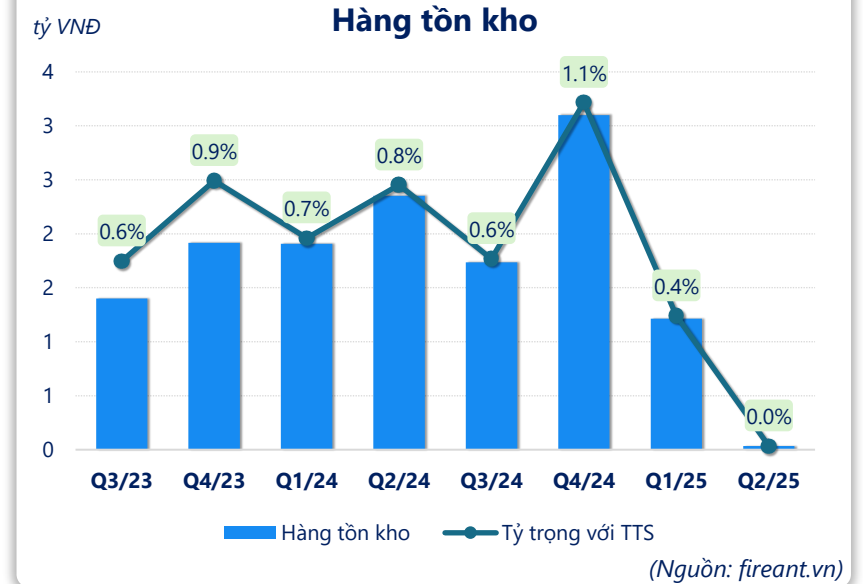
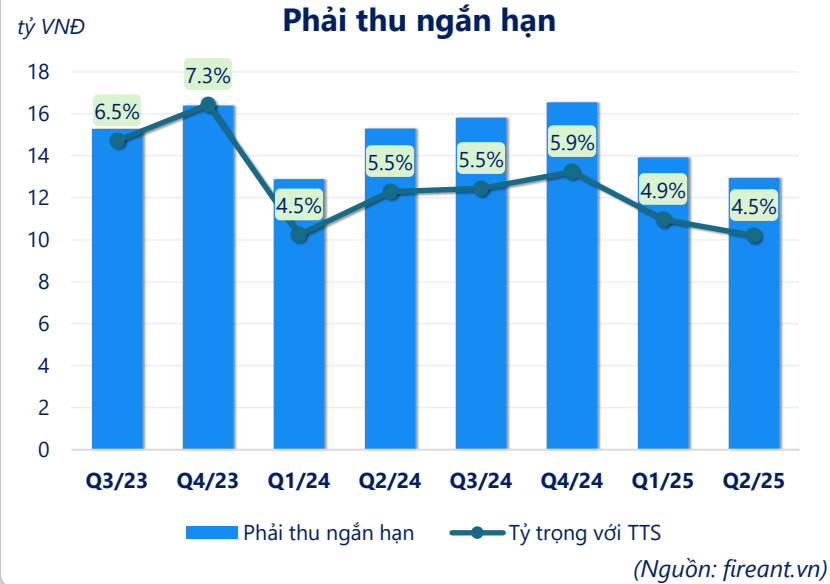
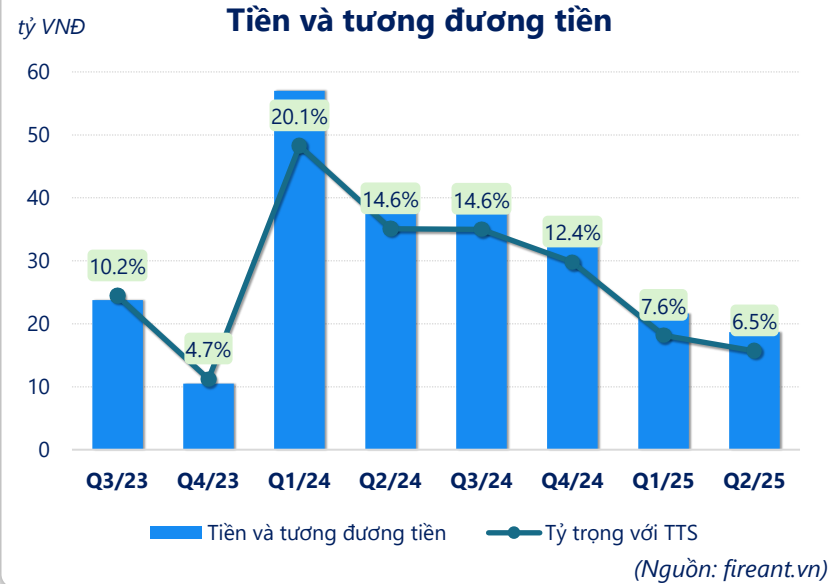
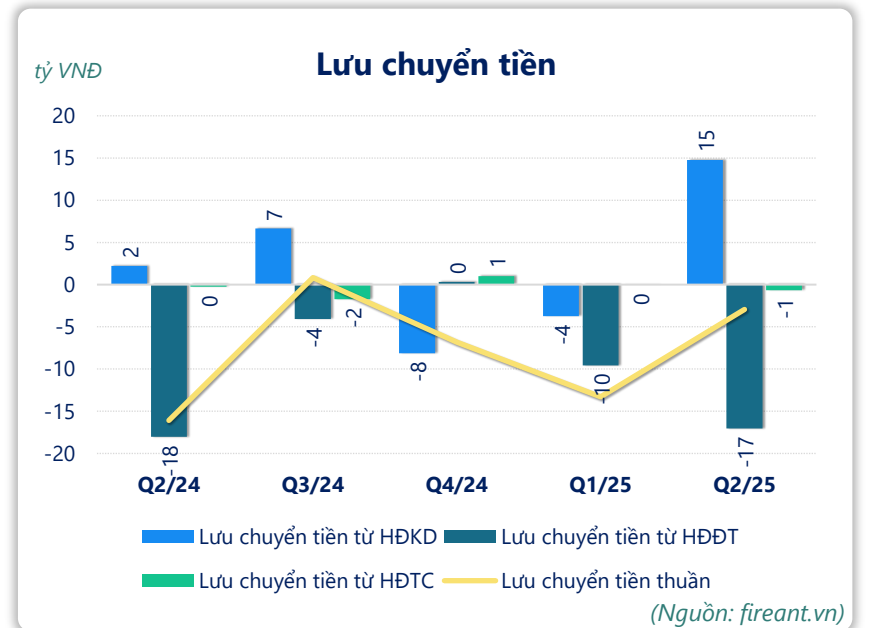
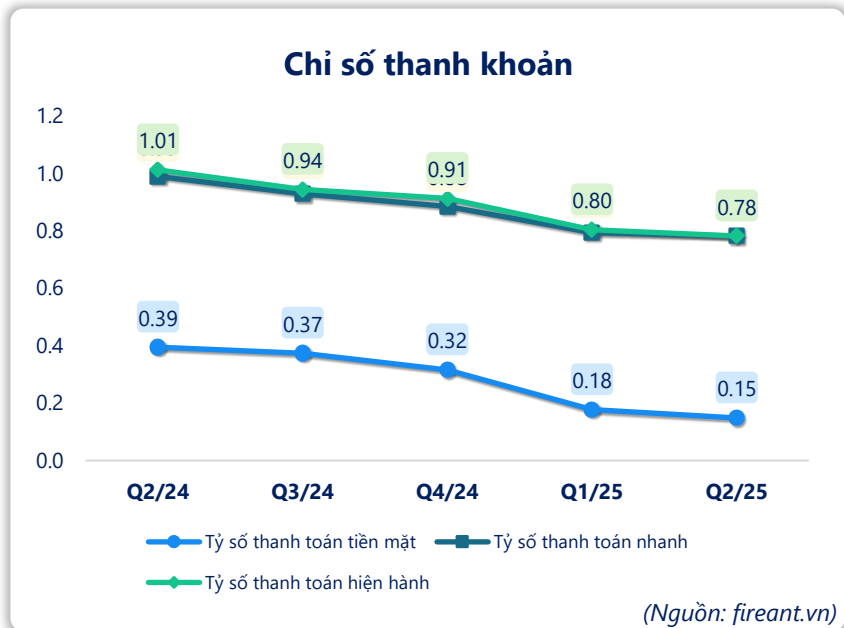
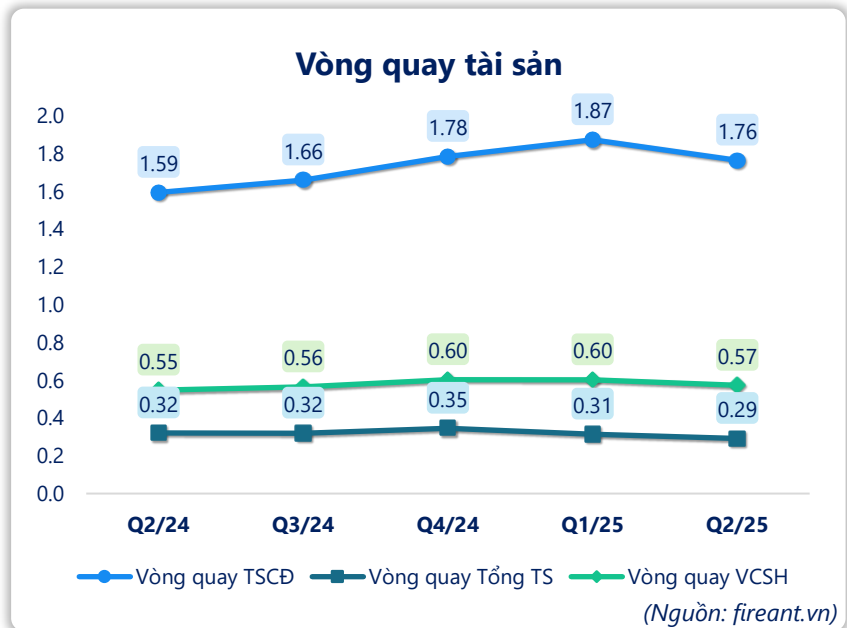
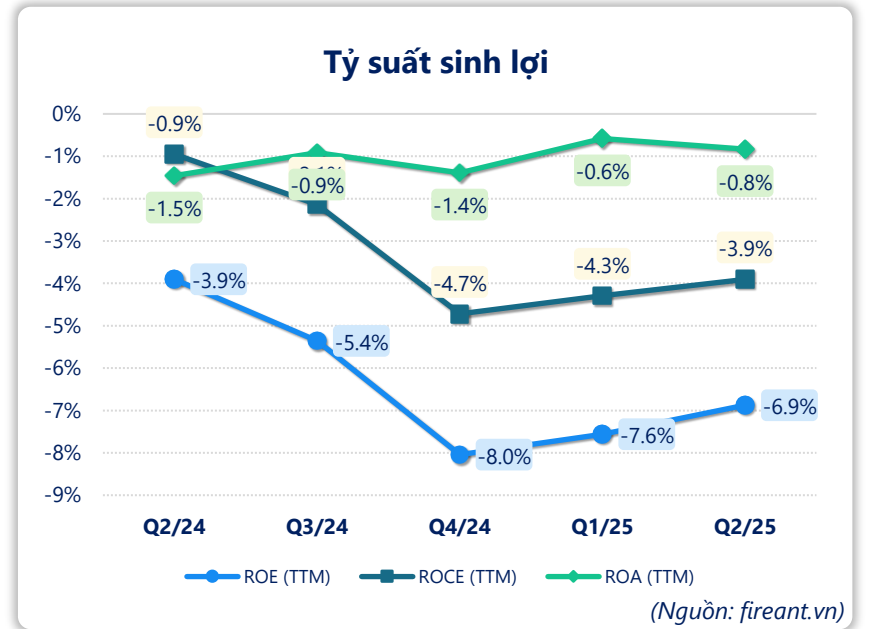
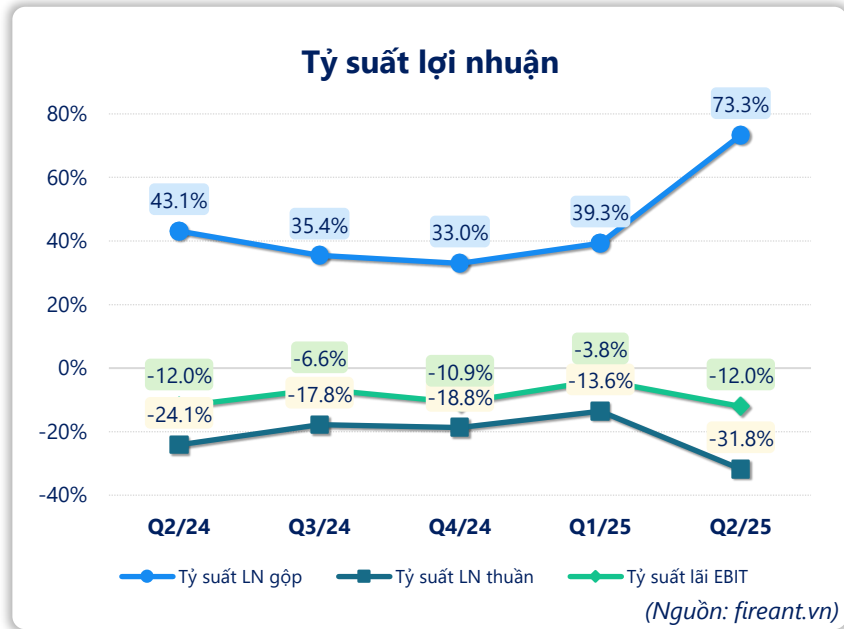
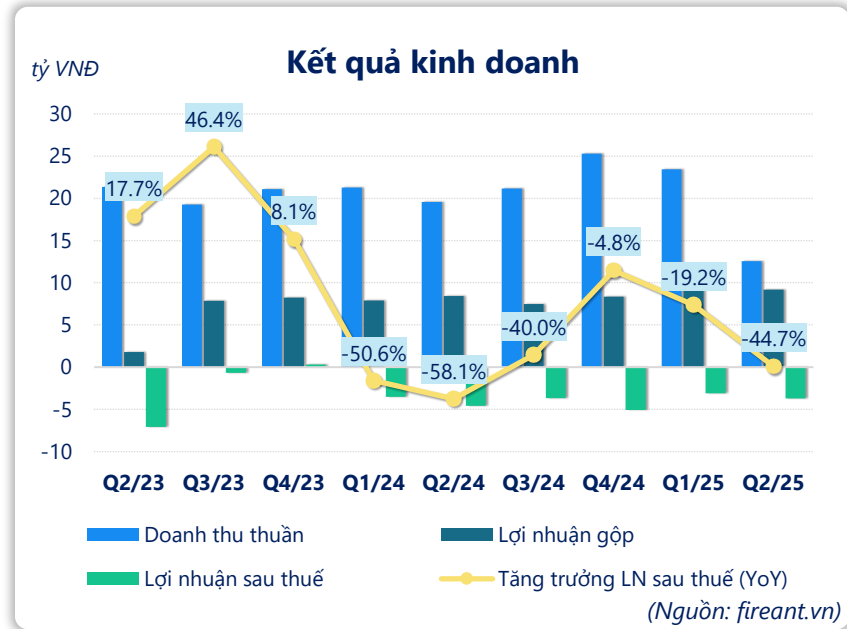


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,500
SL cổ phiếu LH		14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,515
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		347
P/E		-35.0
EPS		-683

	YTD	1T	3T	6T
HAF	49.4%	0.4%	77.0%	54.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	286	279	2.4%
Tài sản ngắn hạn	98.4	98.4	0.0%
Tiền và tương đương tiền	18.7	34.9	-46.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.7	38.3	50.7%
Phải thu ngắn hạn	12.9	14.1	-8.4%
Hàng tồn kho	0.03	3.10	-98.9%
Tài sản ngắn hạn khác	9.06	7.98	13.6%
Tài sản dài hạn	187	180	3.7%
Phải thu dài hạn	0.29	0.29	0.0%
Tài sản cố định	44.8	46.9	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	139	127	9.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.28	2.46	-7.2%
Tài sản dài hạn khác	0.86	3.90	-78.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	150	136	10.4%
Nợ ngắn hạn	126	111	13.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.6	79.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.5	9.67	50.1%
Nợ dài hạn	24.0	25.0	-3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	136	143	-5.2%
Vốn chủ sở hữu	136	143	-5.2%
Vốn điều lệ	145	145	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	19.6	21.2	25.3	23.4	12.5
Giá vốn hàng bán	11.1	13.7	17.0	14.2	3.34
Lợi nhuận gộp	8.44	7.50	8.34	9.20	9.20
Doanh thu HĐTC	0.88	0.86	0.94	0.78	0.86
Chi phí TC	2.18	2.21	2.21	2.16	2.18
Chi phí lãi vay	2.18	2.21	2.21	2.16	2.18
LN trong công ty LKLD	-0.21	0	0	0	-0.18
Chi phí bán hàng	2.48	1.34	2.49	1.59	1.39
Chi phí QLDN	9.16	8.57	9.32	9.42	10.3
LN thuần từ HĐKD	-4.72	-3.76	-4.75	-3.18	-3.99
Lợi nhuận khác	0.18	0.15	-0.21	0.12	0.30
LN trước thuế	-4.54	-3.61	-4.96	-3.06	-3.69
Lợi nhuận sau thuế	-4.58	-3.67	-5.05	-3.10	-3.72
LNST của CĐ cty mẹ	-3.69	-2.38	-3.51	-1.66	-2.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.22	6.65	-8.14	-3.72	14.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.0	-4.09	0.31	-9.57	-17.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.26	-1.72	1.02	-0.01	-0.67
Tiền đầu kỳ	57.0	40.9	41.7	34.9	21.6
Lưu chuyển tiền thuần	-16.1	0.83	-6.82	-13.3	-2.94
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	40.9	41.7	34.9	21.6	18.7

(Nguồn: fireant.vn)